

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Điều chỉnh năm 2019)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - + Tiếng Anh: *History of Vietnamese communist Party*
- Mã ngành đào tạo: **7229010**
- Trình độ đào tạo: đại học
- Loại hình đào tạo: chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 3-5 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Bachelor of Arts History of Vietnamese communist Party
- Nơi đào tạo: Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, lấy ứng dụng khoa học lịch sử làm nền tảng cho các định hướng nghiên cứu chuyên ngành; có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo; có phẩm chất chính trị vững vàng, lối sống lành mạnh, không ngừng học tập và cầu tiến; có kỹ năng thực hành chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân và kỹ năng xã hội; có đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, kỷ luật và ý thức phục vụ cộng đồng.

Cử nhân Lịch sử chuyên ngành **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** được bổ sung về kiến thức, năng lực tư duy, kỹ năng và năng lực thực hành chuyên môn về lịch sử Đảng, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng chuyên môn phục vụ tại các cơ quan, ban, ngành, trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

b. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1. Hiểu được hệ thống tri thức khoa học cơ bản về lý luận chính trị, bao gồm những nguyên lý của Chủ nghĩa Marx – Lenine, Tư tưởng Hồ Chí Minh và

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm cơ sở cho phương pháp luận sử học - nền tảng cho phương pháp, tư duy, khả năng sáng tạo, khai phóng của người học.

1.1.2. Hiểu và có thể vận dụng căn bản kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật nhằm tạo nền tảng kiến thức rộng, năng lực, kỹ năng đa lĩnh vực phục vụ nghiên cứu xuyên ngành, liên ngành, đa ngành.

1.1.3. Hiểu và có thể vận dụng ở mức cơ bản kiến thức về khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin, môi trường, kinh tế, chính trị... nhằm hỗ trợ nghiên cứu định lượng trong khoa học lịch sử.

1.1.4. Hiểu và có thể vận dụng cơ bản kiến thức đa văn hóa phục vụ nghiên cứu, hội nhập khu vực và quốc tế.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

1.2.1. Nắm vững và hệ thống hóa được tiến trình, nội dung của lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, khái quát được các quy luật của lịch sử, rút ra những bài học có giá trị phổ quát phục vụ lợi ích của dân tộc, giải quyết những yêu cầu đặt ra của lịch sử Việt Nam đương đại.

1.2.2. Nắm vững cơ sở phương pháp luận marxist và phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của khoa học lịch sử, làm nền tảng cho nghiên cứu cơ bản và các chuyên ngành của khoa học lịch sử

1.2.3. Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức liên ngành, xuyên ngành, đa ngành nhằm tiếp cận nhiều chiều các đối tượng của khoa học lịch sử, khung lý thuyết và phương pháp tiếp cận, khai thác thông tin lịch sử, các khuynh hướng sử học thế giới và Việt Nam.

1.3. Kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ chuyên ngành

1.3.1. Kiến thức chuyên ngành

- Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện hiểu biết căn bản về các tổ chức Đảng chính trị trên thế giới.

- Nhận diện và phân tích vấn đề trong thực tiễn đáp ứng được yêu cầu của công tác nghiên cứu tại các cơ quan, viện nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng.

- Chủ động thu thập, phân tích và tổng hợp kiến thức thực tế theo yêu cầu đặt ra của chuyên ngành

1.3.2. Kiến thức bổ trợ chuyên ngành: Hiểu biết và vận dụng có hệ thống kiến thức về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế để hình thành kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học lịch sử nhằm giải quyết những vấn đề đòi hỏi kiến thức liên ngành

2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

2.1. Kỹ năng

2.1.1. Kỹ năng lập luận nghề nghiệp: Nắm vững quy trình nghiên cứu những vấn đề lịch sử (sưu tầm, xử lý tư liệu, đánh giá, chọn lọc sự kiện, biên soạn lịch sử); Xác lập được quy trình hợp lý để giải quyết vấn đề.

2.1.2. Năng lực tư duy và giải quyết vấn đề:

- Hình thành, phát triển năng lực tư duy độc lập, tư duy phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa vấn đề.
- Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thuyết trình và phân biện những vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội.
- Có kỹ năng tự học, quản lý thời gian và tự chủ bản thân
- Kỹ năng chuyển đổi và thích ứng với hoàn cảnh

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức: có kỹ năng phân tích, tổng hợp, lý giải những vấn đề khoa học và thực tiễn; Sử dụng được ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong tìm kiếm và giải mã tri thức lịch sử, văn hóa, xã hội...

2.1.4. Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào giải quyết các vấn đề thực tiễn công tác.

2.2. *Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp*

2.2.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân:

- Có tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân;
- Ứng xử trung thực, dũng cảm vì lương tri, lẽ phải và sự công bằng.
- Có năng lực tự học và học tập suốt đời. Cầu thị, khát khao khám phá và học hỏi từ thực tế cuộc sống.

2.2.2. Phẩm chất nghề nghiệp:

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc.
- Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu.
- Xây dựng tác phong làm việc khoa học, ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc.

2.2.3. Phẩm chất đạo đức xã hội:

- Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Phục vụ xã hội vì mục tiêu nhân văn và tiến bộ xã hội.
- Hình thành ý thức học tập để chung sống và ứng xử phù hợp với những nền văn hóa khác nhau.
- Bảo vệ lợi ích của Tổ quốc.

3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1. *Kỹ năng làm việc nhóm*

3.1.1. Kỹ năng tổ chức nhóm và hoạt động nhóm hiệu quả

- Xác định kế hoạch làm việc của nhóm.
- Phân công nhiệm vụ, xác định rõ vai trò của thành viên nhóm/kỹ năng đóng vai

- Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

3.1.2. Khả năng lãnh đạo, quản lý

- Tự đánh giá trong nhóm
- Đánh giá chéo, nhận xét công tâm và phê bình đúng mực trong nhóm
- Quản trị quá trình làm việc nhóm, luân phiên thay đổi vai trò trong nhóm, thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh

3.2. Kỹ năng giao tiếp

3.2.1. Giao tiếp trực diện và qua các phương tiện kĩ thuật công nghệ

- Kỹ năng trình bày vấn đề
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể đúng mực.
- Lắng nghe, chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm
- Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.
- Tác phong, thái độ lịch sự.

3.2.2. Giao tiếp qua văn bản

- Kỹ năng trình bày văn bản, viết, trích dẫn có cơ sở khoa học, mạch lạc.
- Viết đúng chính tả, ngữ pháp
- Sử dụng thuật ngữ khoa học, chuẩn xác
- Văn phong trong sáng, không sử dụng ngôn từ phản cảm

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1. *Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nghiên cứu*

- Có nền tảng kiến thức vững chắc, hệ thống, chuyên sâu, kỹ năng, thái độ phù hợp.
- Sử dụng tốt các phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu.
- Vận dụng thành thạo các thao tác nghiên cứu: *phân loại sử liệu – so sánh sử liệu – đưa ra những luận giải khoa học* (triển khai nghiên cứu khoa học) trong môi trường nghiên cứu.

4.2. *Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường giảng dạy*

Phân tích kiến thức chuyên sâu về lịch sử đấu tranh và xây dựng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phục vụ hệ thống đào tạo và phục vụ xã hội

4.3 *Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp*

- Hiểu biết rõ ràng, đầy đủ về môi trường/tính chất/các luật định của cơ quan và doanh nghiệp.
- Xử lý tình huống cụ thể trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác trong quá trình công tác..

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	
1.1.1	Hiểu được hệ thống tri thức khoa học cơ bản về lý luận chính trị, bao gồm những nguyên lý của Chủ nghĩa Marx – Lenine, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm cơ sở cho phương pháp luận sử học - nền tảng cho phương pháp, tư duy, khả năng sáng tạo, khai phóng của người học.	2.0->3.0
1.1.2	Hiểu và có thể vận dụng căn bản kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật nhằm tạo nền tảng kiến thức rộng, năng lực, kỹ năng đa lĩnh vực phục vụ nghiên cứu xuyên ngành, liên ngành, đa ngành.	2.0 – 3.0
1.1.3	Hiểu và có thể vận dụng ở mức cơ bản kiến thức về khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin, môi trường, kinh tế, chính trị...nhằm hỗ trợ nghiên cứu định lượng trong khoa học lịch sử.	2.0 – 3.0
1.1.4	Hiểu và có thể vận dụng cơ bản kiến thức đa văn hóa phục vụ nghiên cứu, hội nhập khu vực và quốc tế.	2.0 – 3.0
1.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	
1.2.1	Nắm vững và hệ thống hóa được tiến trình, nội dung, mối quan hệ trong lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, khái quát được các quy luật của lịch sử, rút ra những bài học có giá trị phổ quát phục vụ lợi ích của dân tộc, giải quyết những yêu cầu đặt ra của lịch sử Việt Nam đương đại.	3.0 – 4.0
1.2.2	Nắm vững cơ sở phương pháp luận marxist và phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của khoa học lịch sử, làm nền tảng cho nghiên cứu cơ bản và các chuyên ngành của khoa học lịch sử	3.0 – 4.0
1.2.3	Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức liên ngành, xuyên ngành, đa ngành nhằm tiếp cận nhiều chiều các đối tượng của khoa học lịch sử, khung lý thuyết và phương pháp tiếp cận, khai thác thông tin lịch sử, các khuynh hướng sử học thế giới và Việt Nam	3.0 – 4.0
1.3	<i>Kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ chuyên ngành</i>	
1.3.1	Kiến thức chuyên ngành - Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện hiểu biết căn bản về các tổ chức Đảng chính trị trên thế giới. - Nhận diện và phân tích vấn đề trong thực tiễn đáp ứng được yêu cầu của công tác nghiên cứu tại các cơ quan, viện nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng. - Chủ động thu thập, phân tích và tổng hợp kiến thức thực tế theo yêu cầu đặt ra của chuyên ngành	3.0 – 4.0 4.0 – 5.0
1.3.2	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành: Hiểu biết và vận dụng có hệ thống kiến thức về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế để hình thành kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học lịch sử nhằm giải quyết những vấn đề đòi hỏi kiến thức liên ngành	4.0 – 5.0
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	<i>Kỹ năng</i>	
2.1.1	Kỹ năng lập luận nghề nghiệp: Nắm vững quy trình nghiên cứu những vấn đề lịch sử (sưu tầm, xử lý tư liệu, đánh giá, chọn lọc sự kiện, biên soạn lịch sử); Xác lập được quy trình hợp lý để giải quyết vấn đề	3.0->3.5

2.1.2	Năng lực tư duy và giải quyết vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành, phát triển năng lực tư duy độc lập, tư duy phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa vấn đề. - Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thuyết trình và phản biện những vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội. - Có kỹ năng tự học, quản lý thời gian và tự chủ bản thân. - Kỹ năng chuyển đổi và thích ứng với hoàn cảnh 	4.0->4.5
2.1.3	Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức: có kỹ năng phân tích, tổng hợp, lý giải những vấn đề khoa học và thực tiễn; Sử dụng được ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong tìm kiếm và giải mã tri thức lịch sử, văn hóa, xã hội...	4.0->4.5
2.1.4	Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào giải quyết các vấn đề thực tiễn công tác.	4.5->5.0
2.2	<i>Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp</i>	
2.2.1	Phẩm chất đạo đức cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân, nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức - Trung thực và giữ uy tín. - Có năng lực tự học và học tập suốt đời. Cầu thị, khát khao khám phá và học hỏi từ thực tế cuộc sống. 	5.0
2.2.2	Phẩm chất nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc. - Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu. - Xây dựng tác phong làm việc khoa học, ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc. 	3.0 – > 4.0
2.2.3	Phẩm chất đạo đức xã hội: <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Phục vụ xã hội vì mục tiêu nhân văn và tiến bộ xã hội. - Hình thành ý thức học tập để chung sống và ứng xử phù hợp với những nền văn hóa khác nhau. - Bảo vệ lợi ích của Tổ quốc. 	4.0 – 5.0
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm	
3.1.1	Kỹ năng tổ chức nhóm và hoạt động nhóm hiệu quả <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kế hoạch làm việc của nhóm. - Phân công nhiệm vụ, xác định rõ vai trò của thành viên nhóm/kỹ năng đóng vai - Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. 	4.5->5.0
3.1.2	Khả năng lãnh đạo, quản lý <ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá trong nhóm - Đánh giá chéo, nhận xét công tâm và phê bình đúng mực trong nhóm - Quản trị quá trình làm việc nhóm, luân phiên thay đổi vai trò trong nhóm, thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh 	4.5->5.0
3.2	Kỹ năng giao tiếp	
3.2.1	Giao tiếp trực diện và qua các phương tiện kĩ thuật công nghệ <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng trình bày vấn đề - Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể đúng mực. 	4.5->5.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm - Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ. - Tác phong, thái độ lịch sự. 	
3.2.2	Giao tiếp qua văn bản <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng trình bày văn bản, viết, trích dẫn có cơ sở khoa học, mạch lạc. - Viết đúng chính tả, ngữ pháp - Sử dụng thuật ngữ khoa học, chuẩn xác - Văn phong trong sáng, không sử dụng ngôn từ phản cảm 	4.5->5.0
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1	Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nghiên cứu <ul style="list-style-type: none"> - Có nền tảng kiến thức vững chắc, hệ thống, chuyên sâu, kỹ năng, thái độ phù hợp. - Sử dụng tốt các phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu. - Vận dụng thành thạo các thao tác nghiên cứu: phân loại sử liệu – so sánh sử liệu – đưa ra những luận giải khoa học (triển khai nghiên cứu khoa học) trong môi trường nghiên cứu. 	3.5->4.0
4.2	Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường giảng dạy <p>Phân tích kiến thức chuyên sâu về lịch sử đấu tranh và xây dựng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phục vụ hệ thống đào tạo và phục vụ xã hội</p>	3.5->4.0
4.3	Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết rõ ràng, đầy đủ về môi trường/tính chất/các luật định của cơ quan và doanh nghiệp. - Xử lý tình huống cụ thể trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác trong quá trình công tác. 	3.5->4.0

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 ->3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 ->4.0	Có khả năng phân tích
4.0 ->4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

a. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được cấu trúc thành hệ thống kiến thức hoàn chỉnh theo quy định khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, gồm *kiến thức giáo dục đại cương* và *kiến thức chuyên ngành* (kiến thức cơ sở khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, thực tập - thực tế). Tổng khối lượng kiến thức tối thiểu trong chương trình đào tạo là 120 tín

chỉ. Chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các trường đại học có đào tạo chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong nước và có tính liên kết với các chuyên ngành gần thuộc khoa học Lịch sử.

- Đầu năm học, Bộ môn hợp phân công giảng dạy cho cán bộ theo khả năng đảm nhiệm của giảng viên và theo quy chế cán bộ của Nhà trường.

- Giáo vụ khoa xây dựng kế hoạch đào tạo năm học theo chương trình, báo cho Bộ môn và từng giảng viên kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ.

- Sinh viên thực hiện Quy chế đào tạo phải đăng ký học phần và hoàn thành các môn học của từng khối kiến thức liên tục, đảm bảo tính thống nhất, liên thông giữa các khối kiến thức của chương trình đào tạo.

b. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ theo cơ cấu của các khối kiến thức giáo dục Đại cương và giáo dục Chuyên nghiệp theo nội dung chương trình đào tạo.

- Có chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên, Tin học, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng theo quy định của nhà trường.

- Sinh viên phải nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật và Quy chế đào tạo của Nhà trường, hoàn thành các nghĩa vụ trong quá trình học tập.

5. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường).

- Điểm tối đa cho mỗi học phần là điểm 10; trong đó có thể có điểm lẻ 0,5.
- Điểm đạt của học phần là điểm 5 trở lên (dưới 5 phải học lại và thi lại).
- Điểm của mỗi môn học gồm có điểm thi giữa kỳ, điểm quá trình (tỷ trọng bằng 30%) và điểm thi hết môn (tỷ trọng bằng 70%).

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên, Tin học, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	28	23,3
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	37	30,8
III	Kiến thức chuyên ngành	26	21,6
IV	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	23	19,1
V	Thực tập, thực tế	06	5,0
	Tổng cộng	120	100

7. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
I	Kiến thức giáo dục đại cương: 28 TC							
	Lý luận chính trị							
01	DAI001 DAI002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	<i>Basic principles of Marxism and Leninism.</i>	BB	05	05		
02	DAI003	Lịch sử Đảng CSVN	<i>History of the Vietnamese Communist Party.</i>	BB	03	03		
03	DAI004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<i>Ho Chi Minh's ideology.</i>	BB	02	02		
	Khoa học xã hội - Nhân văn							
04	DAI025	Pháp luật đại cương	<i>General laws.</i>	BB	02	02		
05	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<i>Basic Vietnamese culture / Introduction to Vietnamese culture.</i>	BB	02	02		
06	DAI022	Xã hội học đại cương	<i>General sociology.</i>	BB	02	02		
07	DAI036	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<i>Methodology of scientific research.</i>	BB	02	02		
08	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	<i>A practical analyse of Vietnamese text.</i>	BB	02	02		
09	DAI024	Nhân học đại cương	<i>General anthropology.</i>	TC	02	02		
10	DAI023	Tâm lý học đại cương	<i>General psychology.</i>	TC	02	02		
	Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường - Kinh tế - Chính trị							
11	DAI006	Môi trường và phát triển	<i>Environment and human beings.</i>	BB	02	02		
12	DAI005	Thống kê cho khoa học xã hội	<i>Statistics for social sciences.</i>	TC	02	02		
13	DAI021	Logic học đại cương	<i>General logics.</i>	TC	02	02		
14	DAI029	Kinh tế học đại cương	<i>General economics.</i>	TC	02	02		
15	DAI027	Chính trị học đại cương	<i>General politics.</i>	TC	02	02		
16		Tin học đại cương	<i>Basic informatics.</i>		03		03	CC

Ngôn ngữ - kỹ năng khác								
17	DAI018	Hán văn cơ bản	<i>Basic Chinese classical prose.</i>	TC	03	03		
18	DAI019	Chữ Nôm	<i>Nom script.</i>	TC	02	02		
19	DAI046	Kỹ năng mềm	<i>Soft skills.</i>	TC	03	03		
20	DAI043	Nghệ vụ ngoại giao	<i>Diplomatic protocol and etiquette.</i>	TC	03	03		
21		Ngoại ngữ không chuyên	<i>Non-English major.</i>		10		10	CC
22		Giáo dục thể chất	<i>Physical education.</i>		05		05	CC
23		Giáo dục quốc phòng	<i>National defense education</i>		06		06	CC
II	Kiến thức cơ sở ngành: 37 TC							
24	LSU114	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	<i>History of the ancient and medieval Vietnam.</i>	BB	04	04		
25	LSU113	Lịch sử Việt Nam cận đại	<i>History of the early modern Vietnam.</i>	BB	04	04		
26	LSU115	Lịch sử Việt Nam hiện đại	<i>History of the modern Vietnam.</i>	BB	04	04		
27	LSU107	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	<i>History of the ancient and medieval world.</i>	BB	04	04		
28	LSU207	Lịch sử thế giới cận đại	<i>History of the early modern world.</i>	BB	04	04		
29	LSU208	Lịch sử thế giới hiện đại	<i>History of the modern world.</i>	BB	04	04		
30	LSU215.1	Phương pháp luận sử học	<i>The methodology of historical research.</i>	BB	03	03		
31	LUU004	Cơ sở bảo tàng học	<i>Basic museology.</i>	BB	02	02		
32	LSU015	Cơ sở khảo cổ học	<i>Basic archaeology.</i>	BB	02	02		
33	LUU018	Lưu trữ học đại cương	<i>Archives sciences.</i>	BB	02	02		
34	LUU158	Sử liệu học	<i>Historical documents studies.</i>	BB	02	02		
35	LSU201	Nhập môn quan hệ quốc tế	<i>The introduction of international relations.</i>	BB	02	02		
III	Kiến thức chuyên ngành: 26 TC							
36	LSU...	Tổng quan về ĐCSVN và phương thức lãnh đạo của Đảng	<i>Overview of the Communist Party of Vietnam and the Party's leadership</i>	BB	04	04		

			<i>methods.</i>					
37	LSU116	Lịch sử xây dựng ĐCSVN	<i>History of the Vietnamese Communist Party's construction.</i>	BB	02	02		
38	LSU045	Chính sách đại đoàn kết dân tộc của ĐCSVN	<i>The policy of great national unity of the Vietnamese Communist Party</i>	BB	02	02		
39	LSU047	Đường lối đối ngoại của ĐCSVN	<i>The foreign policy of the Communist Party of Vietnam.</i>	BB	02	02		
40	LSU041	Đường lối chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự của ĐCSVN	<i>The way of people's war and military art of The Communist Party of Vietnam.</i>	BB	02	02		
41	LSU031	ĐCSVN lãnh đạo xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	<i>The Communist Party of Vietnam leads the construction of a socialist-oriented market economy.</i>	BB	02	02		
42	LSU028	ĐCSVN lãnh đạo phát triển văn hóa – xã hội	<i>The Communist Party of Vietnam leads cultural-social development.</i>	BB	02	02		
43	LSU030	ĐCSVN lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị	<i>The Communist Party of Vietnam leads the building of the political system.</i>	BB	02	02		
44	LSU029	ĐCSVN lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	<i>The Communist Party of Vietnam leads the country's industrialization and modernization.</i>	BB	02	02		
45	LSU160	Sự phát triển tư duy lý luận của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới	<i>The development of the Vietnamese Communist Party's theoretical thinking during the Doi Moi period.</i>	BB	02	02		
46	LSU212	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử ĐCSVN	<i>Methodology of researching, compiling Vietnamese Communist Party history.</i>	BB	02	02		
47	LSU144	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Đảng CSVN	<i>Methodology of researching and teaching Vietnamese Communist Party history.</i>	BB	02	02		

IV	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành, liên ngành, khóa luận tốt nghiệp: 23 TC (chọn trong số các học phần sau)							
48	LSU123	Phương pháp nghiên cứu tác phẩm kinh điển của Chủ nghĩa Mác – Lênin	<i>Methodology of researching classic works of Marxism – Leninism.</i>	TC	02	02		
49	LSU125	Phương pháp nghiên cứu Văn kiện ĐCSVN	<i>Methodology of researching documents of Vietnamese Communist Party.</i>	TC	02	02		
50	LSU230	Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của ĐCSVN	<i>Methods of summarizing practical experiences of the Vietnamese Communist Party.</i>	TC	02	02		
51	LSU012	Chính sách tôn giáo của ĐCSVN	<i>Religious policy of the Vietnamese Communist Party.</i>	TC	02	02		
52	LSU011	Chính sách dân tộc của ĐCSVN	<i>Ethnic policy of the Vietnamese Communist Party.</i>	TC	02	02		
53	LSU220	Chiến tranh bảo vệ biên giới và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo từ năm 1975 đến nay	<i>Warfares to protect the border and struggles to defend the sovereignty of the island from 1975 to present.</i>	TC	02	02		
54	LSU219	Căn cứ địa ở chiến trường Nam bộ 1954-1975	<i>Revolutionary bases in the South battlefield (1954-1975).</i>	TC	02	02		
55	LSU227	Phong trào đấu tranh ở các đô thị miền Nam 1954-1975	<i>Movement of struggle in the southern cities (1954-1975).</i>	TC	02	02		
56	LSU225	Đường Hồ Chí Minh trên biển với cách mạng miền Nam 1959-1975	<i>The Ho Chi Minh sea trail with the Southern revolution 1959-1975.</i>	TC	02	02		
57	LSU136	Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế cận - hiện đại	<i>Workers movement and international communist in the early modern – modern period.</i>	TC	03	03		
58	LSU033	ĐCSVN vận dụng và phát triển tư tưởng HCM trong công cuộc đổi mới	<i>The Communist Party of Vietnam applied and developed HCM's ideology in the Doi Moi process.</i>	TC	02	02		
59	LSU139	Phong trào yêu nước kháng Pháp và hoạt động của các đảng phái chính trị ở	<i>The patriotic movements against France and the activities of political</i>	TC	02	02		

		Việt Nam thời Pháp thuộc	<i>parties in Vietnam under French colonial rule.</i>					
60	QTE084	Toàn cầu hóa	<i>Globalization.</i>	TC	02	02		
61	LSU005	Các hệ thống chính trị - xã hội TG hiện đại	<i>Political and social systems of the modern world.</i>	TC	02	02		
62	LSU009	Chiến lược của các cường quốc (Mỹ, Nga, Nhật, Trung Quốc) ở châu Á – TBD	<i>The strategies of the powers in Asia-Pacific region.</i>	TC	02	02		
63	LSU098	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (từ 1917 đến nay)	<i>The history of international relations (from 1917 to present).</i>	TC	02	02		
64	LSU164	Thời đại và những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay	<i>Epoch and fundamental issues of current epoch.</i>	TC	03	03		
65	LSU192	Xung đột tộc người, dân tộc và tôn giáo trên thế giới hiện nay	<i>The conflicts of ethnic-nation-religion in the world.</i>	TC	02	02		
66	LSU034	Đặc điểm chiến tranh cách mạng VN (1945 - 1975)	<i>Characteristics of Vietnam revolutionary war (1945 - 1975).</i>	TC	02	02		
67	LSU231	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	<i>History of Vietnamese ideology</i>	TC	02	02		
68	LSU075	Khóa luận tốt nghiệp	<i>Bachelor's thesis in history.</i>	TC	10		10	
V	Thực tập - Thực tế: 06 TC							
69	<u>LSU165.1</u>	Thực tập chuyên ngành 1	<i>Professional practice 1.</i>	BB	02		02	
70	<u>LSU165</u>	Thực tập chuyên ngành 2	<i>Professional practice 2.</i>	BB	04		04	
	Tổng số (tín chỉ)				120			

8. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác:

- Lịch sử thế giới
- Lịch sử Việt Nam
- Khảo cổ học

9. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)	Ghi chú	
		Tiếng việt	Tiếng Anh (*)		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm			
I (14 – 16 tín chỉ đại cương + 03 tín chỉ cơ sở ngành)	DAI001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	<i>Basic principles of Marxism and Leninism (1)</i>	BB	02	02				
	DAI024	Pháp luật đại cương	<i>General laws.</i>	BB	02	02				
	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<i>Methodology of scientific research.</i>	BB	02	02				
	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<i>Basic Vietnamese culture / Introduction to Vietnamese culture.</i>	BB	02	02				
	DAI022	Xã hội học đại cương	<i>General sociology.</i>	BB	02	02				
	DAI006	Môi trường và phát triển	<i>Environment and human beings</i>	BB	02	02				
	LSU215.1	Phương pháp luận sử học	<i>The methodology of historical research.</i>	BB	03	03				
	DAI023	Tâm lý học đại cương	<i>General psychology.</i>	TC	02	02			Chọn 1 trong 2 môn	
	DAI021	Logic học đại cương	<i>General logics.</i>	TC						
	DAI007	Giáo dục thể chất 1	<i>Physical education (1)</i>	BB	01		01			
	DAI008	Giáo dục thể chất 2	<i>Physical education (2)</i>	BB	01		01			
			Ngoại ngữ không chuyên (1)	<i>Non-English major (1)</i>	BB	02		02		Tự tích lũy
			Tin học đại cương	<i>Basic informatics.</i>	BB	03		03		

		Giáo dục Quốc phòng	<i>National defense education.</i>	BB	06		06		<i>Kế hoạch Trường</i>
II (09-13 tín chỉ đại cương + 08 tín chỉ cơ sở ngành)	DAI002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (2)	<i>Basic principles of Marxism and Leninism (2)</i>	BB	03	03			
	DAI004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<i>Ho Chi Minh's ideology</i>	BB	02	02			
	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	<i>A practical analyse of Vietnamese text</i>	BB	02	02			
	DAI024	Nhân học đại cương	<i>General economics.</i>	TC	02	02			<i>Chọn 1 - 2 môn trong 3 môn</i>
	DAI029	Kinh tế học đại cương	<i>Statistics for social sciences.</i>	TC					
	DAI005	Thông kê trong KHXH	<i>General anthropology.</i>	TC					
	LSU107	Lịch sử thế giới - cổ trung đại	<i>History of the ancient and medieval world.</i>	BB	04	04			
	LSU114	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại	<i>History of the ancient and medieval Vietnam.</i>	BB	04	04			
	DAI009	Giáo dục thể chất 3	<i>Physical education (3)</i>	BB	01		01		
	DAI010	Giáo dục thể chất 4	<i>Physical education (4)</i>	BB	01		01		
		Ngoại ngữ không chuyên (2)	<i>Non-English major (2)</i>	BB	02		02		<i>Tự TL</i>
III (08 tín chỉ đại cương + 12 tín chỉ cơ sở ngành)	DAI003	Lịch sử Đảng CSVN	<i>History of the Vietnamese Communist Party.</i>	BB	03	03			
	LSU207	Lịch sử thế giới cận đại	<i>History of the early modern world.</i>	BB	04	04			
	LSU113	Lịch sử Việt Nam cận đại	<i>History of the early modern Vietnam.</i>	BB	04	04			
	LSU015	Cơ sở khảo cổ học	<i>Basic archaeology</i>	BB	02	02			
	LSU158	Sử liệu học	<i>Historical documents studies.</i>	BB	02	02			
	DAI011	Giáo dục thể chất 5	<i>Physical education (5)</i>	BB	01		01		
	DAI027	Chính trị học đại cương	<i>General politics</i>	TC	02	02			<i>Chọn 1 trong 2 môn</i>
	DAI018	Hán văn cơ bản	<i>Basic Chinese classical prose</i>	TC	03	03			

		Ngoại ngữ không chuyên (3)	<i>Non-English major (2)</i>	BB	02		02		Tự TL
IV (03-08 tín chỉ đại cương + 14 tín chỉ cơ sở ngành)	LSU208	Lịch sử thế giới hiện đại	<i>History of the modern world</i>	BB	04	04			
	LSU115	Lịch sử Việt Nam hiện đại	<i>History of the modern Vietnam</i>	BB	04	04			
	LUU004	Cơ sở bảo tàng học	<i>Basic museology.</i>	BB	02	02			
	LUU018	Lưu trữ học đại cương	<i>Archives sciences.</i>	BB	02	02			
	LSU201	Nhập môn quan hệ quốc tế	<i>The introduction of international relations.</i>	BB	02	02			
	DAI019	Chữ Nôm	<i>Nom script.</i>	TC	03	03			Chọn 1 - 2 trong 3 môn
	DAI046	Kỹ năng mềm	<i>Soft skills.</i>	TC	03	03			
	DAI043	Nghiệp vụ ngoại giao	<i>Diplomatic protocol and etiquette.</i>	TC	02	02			
			Ngoại ngữ không chuyên (4)	<i>Non-English major (4)</i>	BB	02		02	
V (08 tín chỉ chuyên ngành + 10 tín chỉ bổ trợ chuyên ngành)	LSU032	Tổng quan về ĐCSVN và phương thức lãnh đạo của Đảng	<i>Overview of the Communist Party of Vietnam and the Party's leadership methods.</i>	BB	04	04			
	LSU116	Lịch sử xây dựng ĐCSVN	<i>History of the Vietnamese Communist Party's construction.</i>	BB	02	02			
	LSU212	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử ĐCSVN	<i>Methodology of researching, compiling Vietnamese Communist Party history.</i>	BB	02	02			
	LSU125	Phương pháp nghiên cứu văn kiện ĐCSVN	<i>Methodology of researching documents of Vietnamese Communist Party.</i>	TC	02	02			
	LSU011	Chính sách dân tộc của ĐCSVN	<i>Ethnic policy of the Vietnamese Communist Party</i>	TC	02	02			
	LSU098	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (từ 1917 đến nay)	<i>The history of international relations (from 1917 to present).</i>	TC	02	02			

	LSU034	Đặc điểm chiến tranh cách mạng VN (1945 - 1975)	<i>Characteristics of Vietnam revolutionary war (1945 - 1975).</i>	TC	02	02			
	LSU231	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	<i>History of Vietnamese ideology.</i>	TC	02	02			
	LSU139	Phong trào yêu nước kháng Pháp và hoạt động của các đảng phái chính trị ở Việt Nam thời Pháp thuộc	<i>The patriotic movements against France and the activities of political parties in Vietnam under French colonial rule.</i>	TC	02	02			
	LSU005	Các hệ thống chính trị - xã hội thế giới hiện đại	<i>Political and social systems of the modern world.</i>	TC	02	02			
	LSU136	Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế cận - hiện đại	<i>Workers movement and international communist in the early modern – modern period.</i>	TC	03	03			
		Ngoại ngữ không chuyên (5)	<i>Non-English major (4)</i>	BB	02		02		Tự tích lũy
VI (12 tín chỉ chuyên ngành + 08 tín chỉ hỗ trợ chuyên ngành)	LSU144	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Đường lối cách mạng của ĐCSVN	<i>Methodology of researching and teaching Vietnamese Communist Party history.</i>	BB	02	02			
	LSU045	Chính sách đại đoàn kết dân tộc của ĐCSVN	<i>The policy of great national unity of the Vietnamese Communist Party</i>	BB	02	02			
	LSU031	ĐCSVN lãnh đạo xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	<i>The Communist Party of Vietnam leads the construction of a socialist-oriented market economy.</i>	BB	02	02			
	LSU047	Đường lối đối ngoại của ĐCSVN	<i>The foreign policy of the Communist Party of Vietnam</i>	BB	02	02			
	LSU041	Đường lối chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự của	<i>The way of people's war and military art of The Communist</i>	BB	02	02			

		ĐCSVN	<i>Party of Vietnam.</i>						
	LSU165 .1	Thực tập chuyên ngành 1	<i>Professional practice 1.</i>	BB	02		02		
	LSU012	Chính sách tôn giáo của ĐCSVN	<i>Religious policy of the Vietnamese Communist Party.</i>	TC	02	02			
	LSU009	Chiến lược các cường quốc ở khu vực Châu Á – TBD	<i>The strategies of the powers in Asia-Pacific region</i>	TC	02	02			
	LSU220	Chiến tranh bảo vệ biên giới và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo từ 1975 đến nay	<i>Warfares to protect the border and struggles to defend the sovereignty of the island from 1975 to present.</i>	TC	02	02			
	LSU227	Phong trào đấu tranh ở các đô thị miền Nam 1954 – 1975	<i>Movement of struggle in the southern cities (1954-1975).</i>	TC	02	02			
	LSU123	Phương pháp nghiên cứu tác phẩm kinh điển của Chủ nghĩa Marx – Lenin	<i>Methodology of researching classic works of Marxism – Leninism</i>	TC	02	02			
	QTE084	Toàn cầu hóa	<i>Globalization.</i>	TC	03	03			
VII (12 tín chỉ chuyên ngành + 06 tín chỉ hỗ trợ chuyên ngành)	LSU165	Thực tập chuyên ngành 2	<i>Professional practice 2</i>	BB	04		04		
	LSU030	ĐCSVN lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị	<i>The Communist Party of Vietnam leads the building of the political system.</i>	BB	02	02			
	LSU028	ĐCSVN lãnh đạo phát triển văn hóa - xã hội	<i>The Communist Party of Vietnam leads cultural-social development.</i>	BB	02	02			
	LSU029	ĐCSVN lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	<i>The Communist Party of Vietnam leads the country's industrialization and modernization.</i>	BB	02	02			
	LSU160	Sự phát triển tư duy lý luận của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới.	<i>The development of the Vietnamese Communist Party's</i>	BB	02	02			

			<i>theoretical thinking during the Doi Moi period.</i>						
	LSU230	Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của ĐCSVN	<i>Methods of summarizing practical experiences of the Vietnamese Communist Party</i>	TC	02	02			
	LSU219	Căn cứ địa ở chiến trường Nam bộ (1954 – 1975)	<i>Revolutionary bases in the South battlefield (1954-1975).</i>	TC	02	02			
	LSU225	Đường Hồ Chí Minh trên biển với cách mạng miền Nam (1959 – 1975)	<i>The Ho Chi Minh sea trail with the Southern revolution 1959-1975.</i>	TC	02	02			
	LSU164	Thời đại và những vấn đề thời đại ngày nay	<i>Epoch and fundamental issues of current epoch.</i>	TC	02	02			
VIII (04-10 tín chỉ bổ trợ chuyên ngành)	LSU075	Khóa luận tốt nghiệp	<i>Bachelor's thesis in history.</i>	TC	10		10		
	LSU192	Xung đột tộc người, dân tộc và tôn giáo trên thế giới hiện nay	<i>The conflicts of ethnic-nation-religion in the world.</i>	TC	02	02			
	LSU033	ĐCSVN vận dụng và phát triển tư tưởng HCM trong công cuộc đổi mới	<i>The Communist Party of Vietnam applied and developed HCM's ideology in the Doi Moi process.</i>	TC	02	02			
	Tổng				120				

TRƯỞNG KHOA
TS. Lưu Văn Quyết